TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/DS-ST
Ngày: 25 - 02 - 2022
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và bà Nguyễn Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021, và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp M, xã T. A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trương Kim C, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp M, xã T.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Vào năm 2020, bà C hỏi vay tiền của bà D hai lần mỗi lần 50.000.000 đồng tổng cộng là 100.000.000 đồng. Việc vay nợ các bên không làm biên nhận nợ với nhau. Sau đó bà D có chơi hụi do bà C làm chủ hụi nhưng khi chưa mãn hụi thì bà C úp hụi, giữa bà D và bà C cấn trừ số tiền hụi và hai bên chốt nợ thì bà C còn nợ của bà D là 81.690.000 đồng đồng thời bà C hứa hẹn đến ngày 05/5/2021 sẽ trả hết nợ cho bà D. Tuy nhiên, khi đến hẹn trả nợ bà C không thực hiện trả nợ mặc dù bà D đã nhiều lần yêu cầu.

Nay bà D yêu cầu bà C trả số tiền vay là 81.690.000 đồng làm ba lần và không yêu cầu phải trả lãi chậm trả.

Quá trình làm việc tại Tòa án, bà Trương Kim C có ý kiến trình bày như sau:

Bà C thừa nhận có vay của bà D số tiền 100.000.000 đồng như lời trình bày của bà D. Sau đó giữa bà C và bà D cấn trừ tiền hụi với nhau, đến nay bà C còn nợ của bà D 81.690.000 đồng. Hiện nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Biên bản hòa giải ngày 13/7/2021 của ban lãnh đạo ấp M, xã T. A.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có.

Chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị D và bà Trương Kim C.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Bà D và bà C cùng xác nhận bà C có vay tiền của bà D và hiện còn nợ của bà D 81.690.000 đồng, các đương sự không thống nhất về phương án trả nợ.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn vắng mặt tại phiên

tòa đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà C trả cho bà D 81.690.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các đương sự: Nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng dân sự và các đương sự cùng có nơi cư trú trên địa bàn huyện A, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, căn cứ vào khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với bà C.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà D khởi kiện yêu cầu bà C trả số nợ 81.690.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án bà Cxác nhận hiện còn nợ của bà D số tiền 81.690.000 đồng và trong nội dung Biên bản hòa giải ngày 13/7/2021 của tổ hòa giải ấp M xã T. A cũng thể hiện việc bà C thừa nhận có nợ của bà D số tiền 81.690.000 đồng, từ đó có cơ sở để xác định bà C có nợ của bà D 81.690.000 đồng là sự thật và yêu cầu khởi kiện của bà Dlà có căn cứ.

Nội dung khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay bà D đều yêu cầu bà C trả số nợ vay 81.690.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu nào khác. Nhận thấy việc vay tiền giữa các bên có thỏa thuận trả lãi, tuy nhiên bà C không thực hiện đóng lãi và không trả vốn theo thỏa thuận đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay bà D chỉ yêu cầu bà C trả số nợ 81.690.000

đồng và không yêu cầu trả tiền lãi, căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự, cần buộc bà C trả nợ cho bà D số tiền 81.690.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà D không có yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí bà C phải nộp là: 81.690.000 đồng x 5% = 4.084.500 đồng

Bà D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.042.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Buộc bà Trương Kim C phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 81.690.000 đồng (Tám mươi mốt triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng). Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà Nguyễn Thị D không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí vụ kiện: Bà Trương Kim C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.084.500 đồng (Bốn triệu, không trăm tám mươi tư nghìn, năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.042.000 đồng (Hai triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004590 ngày 29/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A , tỉnh Kiên Giang tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 25/02/2022, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án , quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm